TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2019.
V/v tranh chấp HN&GĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Nguyễn Thị Thu Trang

2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà H Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/9/2019 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà 01, Ngõ 213, đường T, tổ 08, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Tuấn M**,** sinh năm 1974

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Số nhà 06/01, Ngõ 320, đường L, tổ 03, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có mặt, anh M vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2019, tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau*:

Chị và anh Trần Tuấn M tự nguyện tim hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/01/1996, tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên đánh, cãi nhau nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần bàn bạc tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2015, chị cùng hai con thuê nhà ở riêng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh M thỉnh thoảng gọi điện cho chị để thăm hỏi con chứ bản thân anh chị không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Tuấn M.

Chị và anh M có 02 con chung là Trần Thị Hồng Ng, sinh ngày 08/4/1998 và Trần Huy H, sinh ngày 29/01/2009. Hiện tại, con Ng đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con H đang học lớp 5A2 trường Tiểu học K, phường P, thành phố B và đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Huy H, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con 500.000 đồng/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện tại chị là nhân viên kiểm hàng của Công ty TNHH LPV; địa chỉ: Khu công nghiệp 2, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, thu nhập bình quân hàng tháng là 13.000.000 đồng, chị có chỗ ở ổn định, có thời gian, đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung.

Tại phiên tòa chị H xác định chị có đủ điều kiện nuôi con chung và anh M mới thay đổi công việc làm nên chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con sau khi anh, chị ly hôn.

** Tại biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đều đề ngày 07/11/2019, bị đơn anh Trần Tuấn M trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau*: Anh và chị Trần Thị H tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H quan hệ bất chính với người nam giới khác. Anh đã khuyên bảo, giáo dục nhiều lần, thông cảm, tha thứ nhưng chị H không thay đổi nên vợ chồng đánh, chửi nhau, chị H đã tự ý bỏ đi thuê nhà ở từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh nhiều lần tìm gọi chị H về đoàn tụ gia đình nhưng chị không đồng ý. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, song anh không đồng ý ly hôn vì anh thương các con. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Anh và chị H có 02 con chung như chị H trình bày là đúng.

Con Trần Thị Hồng Ng đã trưởng thành, có gia đình riêng. Con Trần Huy H hiện đang ở cùng chị H. Nếu ly hôn, anh xin nuôi con H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh xin giải quyết vắng mặt anh tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án và tại phiên tòa.

** Tại biên bản xác minh ngày 30/10/2019, đại diện tổ dân phố số 03, phường Đ và đại diện UBND phường Đ, thành phố B, cung cấp như sau :*

Năm 2012, chị Trần Thị H và anh Trần Tuấn M có đăng ký tạm trú và sinh sống tại số nhà 06/01, ngõ 320, đường L, tổ 03, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Quá trình sinh sống tại địa phương anh, chị có phát sinh mâu thuẫn, đánh cãi nhau, chị H có báo cáo và địa phương có hòa giải cho anh, chị nhưng không có kết quả. Hiện nay chị H và anh M sống ly thân, chị H thuê nhà và sinh sống cùng các con tại phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, anh M sinh sống tại địa chỉ trên. Anh, chị có 02 con chung là Trần Thị Hồng Ng, sinh ngày 08/4/1998 và Trần Huy H, sinh ngày 29/01/2009. Con Ng đã trưởng thành, có gia đình riêng. Con H sinh sống cùng chị H. Anh, chị có nhà, đất tại số nhà 06/01, ngõ 320, đường L, tổ 03, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Nay địa phương có quan điểm: Chị H, anh M khó có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết các yêu cầu của chị H và anh M. Anh, chị không vay nợ tài sản của các tổ chức, đoàn thể tại địa phương nên địa phương không có yêu cầu gì.

** Tại Biên bản xác minh ngày 12/11/2019, UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau:* Chị Trần Thị H và anh Trần Tuấn M có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình là đúng và đăng ký ngày 14/01/1996; anh, chị có ký tên tại trang số 09, quyển số 01TP/HT16, Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn từ ngày 01/01/1996 đến ngày 31/12/1996. UBND xã N xác nhận, tại địa phương chị Trần Thị H có tên gọi khác là Trần Thúy H.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/11/2019, ông Trần Văn V (bố đẻ của anh M) trình bày:* Anh Trần Tuấn M và chị Trần Thị H có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn ngày 14/01/1996 tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh, chị sinh sống cùng với gia đình ông tại thôn Y, xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình khoảng 08 năm, nhìn chung anh, chị hạnh phúc. Sau đó, anh chị chuyển lên thành phố B sinh sống, anh M làm thợ sửa chữa xe máy, chị H làm công nhân theo ca nên chị H có biểu hiện quan hệ nam nữ bất chính. Gia đình ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không thay đổi. Chị H và anh M có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Năm 2015, chị H tự ý bỏ ra ngoài thuê nhà để ba mẹ con sinh sống. Nay chị H xin ly hôn anh M, gia đình ông không có ý kiến gì và tôn trọng quyết định của anh, chị. Anh M và chị H có 02 con chung là Trần Thị Hồng Ng, sinh ngày 08/4/1998 và Trần Huy H, sinh ngày 29/01/2009. Con Ng đã có gia đình riêng, con H đang ở với chị H, anh M vẫn thường xuyên đến thăm nom, đưa đón con đi, về học. Ông đề nghị Tòa án

hỏi con H có nguyện vọng ở với ai để giải quyết. Gia đình ông và anh M, chị H không có công nợ gì nên ông không đề nghị tòa án giải quyết về tài sản.

** Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2019, giáo viên chủ nhiệm lớp* 5A2 *và Ban giám hiệu trường tiểu học K, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau:* Cháu Trần Huy H, sinh ngày 29/01/2009 là con chung của chị Trần Thị H và anh Trần Tuấn M, hiện là học sinh lớp 5A2 của trường. Cháu H là học sinh ngoan, có lực học khá, lễ phép. Người giữ mối liên lạc với lớp, với nhà trường là chị Trần Thị H. Cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn, Nhà trường đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu H.

* Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đảm bảo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39,97, 196, 203, 207, 208, 220, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định; bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy vụ án được giải quyết theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

2. Về việc giải quyết vụ án

- Về hôn nhân: Xét đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Tuấn M.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình xử giao con Trần Huy H, sinh ngày 29/01/2009 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con H nên chấp nhận. Con Trần Thị Hồng Ng, sinh ngày 08/4/1998, đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Tuấn M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự của Tòa án cho các đương sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các

đương sự đến Tòa án để trình bày lời khai, nộp tài liệu, chứng cứ, tham gia tố tụng nhưng chỉ có nguyên đơn chấp hành còn bị đơn không có mặt theo các giấy triệu tập của Tòa án, không nộp văn bản ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn tại địa chỉ bị đơn cư trú. Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H trình bày chị và anh Trần Tuấn M có đăng ký kết hôn và chị H giao nộp cho Tòa án bản Trích lục kết hôn do UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình trích lục; anh Trần Tuấn M trình bày anh, chị không đăng ký kết hôn; UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình cung cấp chị H và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 14/01/1996, anh, chị có ký tên tại trang sổ số 09, sổ đăng ký kết hôn số 01TP/HT16 năm 1996. Xét thấy UBND xã N là cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn đã xác nhận anh M và chị H có đăng ký kết hôn tại địa phương. Như vậy việc UBND xã N cung cấp là căn cứ pháp lý để xác định chị H và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 14/01/1996. Đó là hôn nhân hợp pháp được xác lập trên cơ sở tự nguyện phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (thời điểm anh chị đăng ký kết hôn). Anh M trình bày anh, chị không đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nên lời trình bày đó không có cơ sở xem xét. Sau kết hôn anh, chị chung sống tại xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình và tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Khoảng 8 năm sau anh chị lên thành phố B sinh sống, làm việc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên đánh cãi nhau, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù anh, chị nhiều lần bàn bạc tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn, gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn phát sinh và ngày càng trầm trọng. Cuối năm 2015, chị H tự ý thuê nhà ở riêng tại tổ 08, phường P, thành phố B và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh M nhiều lần tìm gọi nhưng chị H không về đoàn tụ gia đình sau đó cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh M. Cho thấy chị H không còn tha thiết với hôn nhân hiện tại, chị không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, cùng anh M chia sẻ mọi công việc trong gia đình. Anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, song vì thương con nên anh không muốn ly hôn. Nếu chị H cương quyết thì anh đồng ý ly hôn. Anh M không có mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa cho thấy anh M cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ gia đình. Như vậy, cả hai bên không có thiện chí xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Tuấn M là phù hợp.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị H và anh M có 02 con chung là Trần Thị Hồng Ng, sinh ngày 08/4/1998 và Trần Huy H, sinh ngày 29/01/2009. Con Trần Thị Hồng Ng đã thành niên, đã lập gia đình riêng nên anh, chị không yêu cầu giải quyết. Xét yêu cầu xin nuôi con Trần Huy H của hai anh, chị thì thấy, hiện tại con H đang được chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Con H phát triển ổn định về mọi mặt: Nhận thức, sức khỏe, ngoan ngoãn, lễ phép và có nguyện vọng được ở với chị H. Chị H có công việc làm ổn định và thu nhập bình quân 13.000.000 đồng/1 tháng tại Công ty TNHH LPV; địa chỉ: Khu công nghiệp 2, phường P, thành phố B. Anh M không cung cấp mức thu nhập hàng tháng của mình và thường xuyên đi làm từ sáng đến tối mới có mặt tại gia đình cho nên hạn chế về thời gian chăm sóc con chung. Xét chị H có đủ điều kiện trực tiếp nuôi dạy con chung vì vậy, cần giao con Trần Huy H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con H nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung trong vụ án này.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải nộpán phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147, 203, 235,271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H (tên gọi khác: Trần Thúy H) được ly hôn anh Trần Tuấn M.

2. Về nuôi con chung: Xử giao Trần Huy H, sinh ngày 29/01/2009 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Tuấn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Trần Tuấn M trong vụ án này. Chị Trần Thị H và anh Trần Tuấn M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu

tạm ứng án phí số 0009515 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình sang thành tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai, sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình, (nơi thực hiện ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hân